TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 24 - 09 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân: Ông Bành Trọng Bình

Bà Trần Thị Thúy

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST- DS ngày 09 tháng 04 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 08 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ng** – SN: 1966

Địa chỉ: Số 42 H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Đỗ Thị M** – SN: 1971

Địa chỉ: Thôn 08, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Ng trình bày:

Ngày 28/10/2011(âm lịch) bà Trương Thị Ng có cho bà Đỗ Thị M vay số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền không ghi thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng với nhau thời hạn trả tiền là 03 ngày kể từ ngày vay. Đến hạn bà M không trả cho bà Ng khoản tiền nào, bà Ng nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không trả. Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Ng tổng số nợ gốc là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay ngày 28/10/2011(âm lịch) cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giao, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 220/TB-TLVA ngày 09/04/2021, giấy triệu tập số: 617/GTT ngày 13/04/2021, số: 665/GTT ngày 22/04/2021, số: 747/GTT ngày 13/05/2021, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 88/TB-TA ngày 28/05/2021; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số: 90/TB-TA ngày 14/06/2021; Quyết định xét xử số: 18/2021/QĐXX-DS ngày 20/08/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 09/09/2021 cho bị đơn bà Đỗ Thị M nhưng bà M không đến Tòa án để tham gia tố tụng, tại phiên Tòa hôm nay bà M vẫn vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 26, 36, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do khi tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Đỗ Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Ng số tiền gốc 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và lãi suất 10%/năm tính từ ngày chậm trả ngày 02/11/2011(âm lịch), ngày dương lịch là 26/11/2011 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là loại việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Đỗ Thị M trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục giao, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Đỗ Thị M nhưng bà M không đến Tòa án để tham gia tố tụng, tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, nội dung ghi đầy đủ tên người vay, người cho vay, loại tài sản cho vay, ngày vay và chữ ký bên vay trong hợp đồng, thể hiện sự thỏa thuận của các bên, các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng nên hợp đồng vay (giấy vay tiền) giữa bà Đỗ Thị M với bà Trương Thị Ng ngày 28/10/2011 (âm lịch), ngày dương lịch là ngày 23/11/2011 với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Từ thời hạn trả nợ cho đến nay bà M không trả được cho bà Ng khoản tiền nào. Do vậy bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Bà Trương Thị Ng yêu cầu bà Đỗ Thị M phải trả lãi suất trên tính từ ngày vay ngày 28/10/2011(âm lịch) tức ngày 23/11/2011(dương lịch) cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả là 03 ngày kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất, do đó thời hạn bà M chậm trả tính từ ngày 02/11/2011(âm lịch), ngày dương lịch là ngày 26/11/2011. Đến hạn bên vay bà Đỗ Thị M không trả nợ cho bà Trương Thị Ng nên bà Ng có quyền yêu cầu bà M trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự trên số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 26/11/2011(dương lịch) cho đến ngày xét xử.

[5] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi vay cho tới thời hạn trả nợ đến nay bà M không trả cho bà Ng khoản tiền gốc và lãi nào như vậy bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 buộc bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Ng tổng số tiền nợ gốc 5.000.000đ (*Năm triệu*

đồng) và lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tại thời điểm xét xử là 0,83%/tháng, cụ thể lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày xét xử ngày 24/09/2021 là 09 năm 09 tháng 28 ngày lãi là (5.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 09 năm 09 tháng 28 ngày = 4.894.000đ (*Bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là 09.894.000đ (*Chín triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Đỗ Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ng

Buộc bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Ng tổng số tiền gốc và lãi là 09.894.000đ (*Chín triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), tiền lãi là 4.894.000đ (*Bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồ*ng).

Kể từ ngày bà Trương Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Đỗ Thị M còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Bà Đỗ Thị M phải chịu 494.700đ (*Bốn trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Ng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003265 ngày 08/04/2021.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh

Nơi nhận :
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.